

Số: /2021/NQ-HĐND

Lai Châu, ngày tháng năm 2021

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT

Ban hành Quy định một số chính sách hỗ trợ bảo tồn, phát huy bản sắc văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc gắn với phát triển du lịch trên địa bàn tỉnh Lai Châu giai đoạn 2021 - 2025

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH LAI CHÂU
KHÓA XV, KỲ HỌP THỨ.....**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa, đổi bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Di sản văn hóa ngày 29 tháng 6 năm 2001; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa ngày 18 tháng 6 năm 2009;

Căn cứ Luật Du lịch ngày 19 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 7 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 168/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Du lịch;

Xét Tờ trình số...../TTr-UBND ngày.... tháng năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Nghị quyết Quy định một số chính sách khuyến khích hỗ trợ phát triển du lịch trên địa bàn tỉnh Lai Châu giai đoạn 2021 - 2025; Báo cáo thẩm tra số...../BC-HĐND ngày tháng năm 2021 của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định một số chính sách hỗ trợ bảo tồn, phát huy bản sắc văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc gắn với phát triển du lịch trên địa bàn tỉnh Lai Châu giai đoạn 2021 - 2025.

Điều 2. Hội đồng nhân dân tỉnh giao

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.
2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Lai Châu khoá XV, kỳ họp thứ.....thông qua ngày.....tháng.....năm 2021 và có hiệu lực từ ngàytháng.....năm 2021./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội; Văn phòng Chính phủ;
- Các bộ: Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Tài chính;
- Tổng cục Du lịch;
- Cục kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Thường trực HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Công báo tỉnh, Công thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

Giàng Páo Mỹ

QUY ĐỊNH**Một số chính sách hỗ trợ bảo tồn, phát huy bản sắc văn hóa
truyền thống tốt đẹp của các dân tộc gắn với phát triển du lịch
trên địa bàn tỉnh Lai Châu giai đoạn 2021 - 2025**

*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số /2021/NQ-HĐND ngày...../...../2021
của Hội đồng nhân dân tỉnh Lai Châu)*

**Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Nghị quyết này quy định một số chính sách hỗ trợ bảo tồn, phát huy bản sắc văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc gắn với phát triển du lịch trên địa bàn tỉnh Lai Châu giai đoạn 2021 - 2025, gồm: khôi phục lễ hội, nghề thủ công truyền thống; bảo tồn, phát huy các lễ hội truyền thống; tổ chức các lớp truyền dạy văn hóa truyền thống; hỗ trợ đội văn nghệ quần chúng; bảo tồn và phát huy chợ phiên truyền thống; phát triển các điểm du lịch cộng đồng có điều kiện, lợi thế tiêu biểu gắn với bảo tồn, phát huy bản sắc văn hóa truyền thống và hỗ trợ đa dạng hóa sản phẩm du lịch và dịch vụ du lịch.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các dân tộc cư trú thành cộng đồng; doanh nghiệp, Ban quản lý điểm du lịch, bản, nhóm hộ gia đình, hộ gia đình, đội văn nghệ quần chúng, nghệ nhân (người nắm giữ và thực hành di sản), người dân (*sau đây gọi tắt là tổ chức, cá nhân*).

2. Các cơ quan, đơn vị và tổ chức, cá nhân có liên quan đến tổ chức triển khai thực hiện chính sách quy định tại Nghị quyết này.

Điều 3. Nguyên tắc hỗ trợ

1. Ưu tiên hỗ trợ bảo tồn bản sắc văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc, hỗ trợ phát triển hạ tầng du lịch tại các điểm du lịch đã được công nhận, đa dạng hóa sản phẩm du lịch và dịch vụ du lịch tại các điểm du lịch đã được công nhận, có điều kiện, lợi thế tiêu biểu của tỉnh.

2. Phù hợp với khả năng cân đối ngân sách của tỉnh và các mục tiêu, nhiệm vụ trong công tác bảo tồn, phát huy bản sắc văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc gắn với phát triển du lịch.

3. Phù hợp với định mức kinh tế kỹ thuật, đơn giá do cấp có thẩm quyền ban hành.

4. Các đối tượng được hưởng chính sách hỗ trợ phải thực hiện đầy đủ các cam kết khi đăng ký. Trường hợp không thực hiện đúng cam kết phải bồi hoàn số kinh phí được hỗ trợ.

5. Trong cùng một nội dung hỗ trợ, có nhiều chính sách, quy định khác nhau thì đối tượng chỉ được hưởng một chính sách. Trường hợp một tổ chức, cá nhân thực hiện đầu tư nhiều nội dung khác nhau thì sẽ được hưởng các chính sách hỗ trợ theo từng nội dung nếu đáp ứng được các điều kiện tại Nghị quyết này.

Điều 4. Cơ chế hỗ trợ

1. Đối với các nội dung hỗ trợ có tính chất hỗ trợ đầu tư xây dựng: Vận dụng cơ chế đặc thù trong tổ chức thực hiện dự án đầu tư xây dựng có sự tham gia thực hiện của cộng đồng thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia.

2. Đối với các nội dung khác: Thực hiện cơ chế hỗ trợ trực tiếp cho các tổ chức, cá nhân đủ điều kiện hỗ trợ theo quy định tại Nghị quyết này.

3. Đối với cá nhân và tổ chức (không thuộc cơ quan nhà nước), thực hiện cơ chế hỗ trợ sau đầu tư.

Điều 5. Nguồn kinh phí

1. Chính sách này sử dụng nguồn ngân sách địa phương và các nguồn vốn hợp pháp khác.

2. Hàng năm, căn cứ khả năng cân đối ngân sách của địa phương, Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, bố trí vốn trong dự toán ngân sách địa phương của tỉnh để thực hiện chính sách.

Chương II QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 6. Khôi phục, duy trì tổ chức lễ hội truyền thống

1. Hỗ trợ khôi phục 02 lễ hội truyền thống của các dân tộc cư trú thành cộng đồng đã bị mai một, gián đoạn và không còn được duy trì trong cộng đồng.

a) Mức hỗ trợ: Tối đa không quá 100 triệu đồng/lễ hội; tổng kinh phí hỗ trợ cho cả giai đoạn không quá 200 triệu đồng.

b) Điều kiện hỗ trợ: Có kế hoạch, dự toán kinh phí, nội dung kịch bản phục dựng được được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Hỗ trợ duy trì tổ chức lễ hội truyền thống hàng năm sau khôi phục

a) Mức hỗ trợ: Tối đa không quá 100 triệu đồng/lễ hội/năm, tổng kinh phí hỗ trợ cho cả giai đoạn không quá 600 triệu đồng.

b) Điều kiện hỗ trợ: Là lễ hội tiêu biểu của các dân tộc cư trú thành cộng đồng mới được khôi phục; có kế hoạch, dự toán kinh phí, nội dung kịch bản được được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 7. Khôi phục nghề thủ công truyền thống

1. Hỗ trợ khôi phục quy trình sản xuất nghề: đan lát dân tộc Mảng; nghề rèn dân tộc Mông, nghề chạm bạc dân tộc Dao.

a) Mức hỗ trợ: Tối đa không quá 50 triệu đồng/ngành, tổng kinh phí hỗ trợ cho cả giai đoạn không quá 150 triệu đồng.

b) Điều kiện hỗ trợ: Là nghề thủ công truyền thống tiêu biểu của các dân tộc cư trú thành cộng đồng có nguy cơ mai một; có kế hoạch, dự toán kinh phí, nội dung quy trình nghề thủ công truyền thống được được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Hỗ trợ truyền dạy và sản xuất vật mẫu nghề: đan lát dân tộc Mảng; nghề rèn dân tộc Mông, nghề chạm bạc dân tộc Dao.

a) Mức hỗ trợ: Tối đa không quá 150 triệu đồng/ngành, cho các nội dung: Hỗ trợ người truyền dạy, mức hỗ trợ 250.000 đồng/người/buổi, hỗ trợ người học 50.000 đồng/người/buổi và chi phí vật tư, vật liệu; tổng kinh phí hỗ trợ cho cả giai đoạn không quá 450 triệu đồng.

b) Điều kiện hỗ trợ: Là nghề thủ công truyền thống tiêu biểu của các dân tộc cư trú thành cộng đồng; Sản phẩm sản xuất sau truyền dạy đạt tối thiểu là 10 mẫu để trưng bày trong Bảo tàng; có kế hoạch, dự toán kinh phí được cấp có thẩm quyền phê duyệt và vật mẫu được cấp có thẩm quyền nghiệm thu.

Điều 8. Bảo tồn và phát huy các lễ hội truyền thống

1. Hỗ trợ tổ chức 35 lễ hội/năm, tổng số trong 04 năm tổ chức 140 lễ hội.

2. Mức hỗ trợ: Tối đa không quá 100 triệu đồng/lễ hội/năm, tổng kinh phí hỗ trợ cho cả giai đoạn không quá 14.000 triệu đồng.

3. Điều kiện hỗ trợ: Là lễ hội tiêu biểu của các dân tộc cư trú thành cộng đồng, duy trì tổ chức hàng năm hoặc lễ hội khai thác, xây dựng sản phẩm phục vụ phát triển du lịch. Có kế hoạch, dự toán kinh phí, nội dung kịch bản tổ chức lễ hội được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 9. Truyền dạy văn hóa truyền thống

1. Tổ chức 37 lớp truyền dạy văn hóa truyền thống của các dân tộc trên địa bàn tỉnh, cụ thể:

a) Lớp dạy kỹ thuật tạo hình trang phục, nghệ thuật trình diễn dân gian truyền thống của 13 dân tộc cư trú thành cộng đồng;

b) Lớp dạy chữ viết của một số dân tộc: Thái, Mông, Dao, Hà Nhì;

c) Lớp dạy ẩm thực các dân tộc: Thái, Giáy;

d) Lớp dạy nghề thủ công truyền thống của các dân tộc (Lự, Dao, Thái, Mông, Giáy) tại 05 điểm du lịch có điều kiện, lợi thế tiêu biểu của tỉnh.

2. Mức hỗ trợ: Tối đa không quá 150 triệu đồng/lớp/dân tộc cho các nội dung: Hỗ trợ người truyền dạy, mức hỗ trợ 250.000 đồng/người/buổi, hỗ trợ người học 50.000 đồng/người/buổi và chi phí mở lớp; tổng kinh phí hỗ trợ cho cả giai đoạn không quá 5.550 triệu đồng.

3. Điều kiện hỗ trợ:

a) Có kế hoạch, dự toán kinh phí, nội dung truyền dạy được cấp có thẩm quyền phê duyệt, học viên là người địa phương.

b) Thời gian tổ chức lớp tối đa 20 ngày/lớp; quy mô tối thiểu từ 10 học viên/lớp.

Điều 10. Bảo tồn và phát huy chợ phiên truyền thống

1. Hỗ trợ để thực hiện bảo tồn, phát huy 02 chợ phiên truyền thống.

2. Mức hỗ trợ: Tối đa không quá 3.000 triệu đồng/chợ, tổng kinh phí hỗ trợ cả giai đoạn không quá 6.000 triệu đồng.

3. Điều kiện hỗ trợ: Là các chợ phiên truyền thống gắn với các điểm du lịch cộng đồng có điều kiện, lợi thế tiêu biểu của tỉnh; đang hoạt động, có hồ sơ thiết kế và dự toán kinh phí được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 11. Tổ chức các đội văn nghệ quần chúng

1. Lựa chọn và hỗ trợ ban đầu cho 01 đội văn nghệ cấp xã/huyện; 05 đội văn nghệ thôn, bản tiêu biểu/huyện để mua sắm đạo cụ, nhạc cụ, trang phục tập luyện và xây dựng, phục dựng, dàn dựng các tiết mục biểu diễn.

2. Mức hỗ trợ: Hỗ trợ một lần tối đa không quá 20 triệu đồng/đội, tổng kinh phí hỗ trợ cả giai đoạn không quá 960 triệu đồng.

3. Điều kiện hỗ trợ: Đội văn nghệ quần chúng đang hoạt động được cấp có thẩm quyền thành lập; có tối thiểu từ 10 thành viên trở lên được địa phương đánh giá hoạt động hiệu quả, tiêu biểu, là điển hình cần phát triển, nhân rộng.

4. Hồ sơ đề nghị hỗ trợ: Đơn đề nghị hỗ trợ của đội văn nghệ quần chúng (có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã); Quyết định thành lập đội kèm theo danh sách thành viên đội văn nghệ; Quy chế hoạt động của đội văn nghệ; Báo cáo

kết quả hoạt động của năm liền kề năm được hỗ trợ có xác nhận của UBND cấp xã, được cấp UBND huyện đánh giá hoạt động hiệu quả, tiêu biểu, là điển hình cần phát triển, nhân rộng.

5. Trình tự thực hiện: Đại diện đội văn nghệ nộ 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến UBND cấp xã, trong thời hạn 05 ngày làm việc UBND cấp xã có trách nhiệm tổng hợp hồ sơ, trình UBND cấp huyện. Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, UBND cấp huyện xem xét, thẩm định và phê duyệt chính sách hỗ trợ theo quy định. Trong trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện các cơ quan, đơn vị giải quyết thủ tục hành chính phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Điều 12. Phát triển các điểm du lịch cộng đồng có điều kiện, lợi thế tiêu biểu gắn với bảo tồn, phát huy bản sắc văn hóa truyền thống

1. Hỗ trợ một lần phát triển hạ tầng điểm du lịch cho các nội dung sau:

a) Hỗ trợ một lần xây dựng địa điểm tổ chức các hoạt động trải nghiệm tìm hiểu văn hóa, thể thao đặc sắc dân tộc.

Mức hỗ trợ: Tối đa không quá 70% tổng dự toán dự toán kinh phí và không quá 1.000 triệu đồng/mô hình/điểm du lịch; tổng kinh phí hỗ trợ cả giai đoạn không quá 5.000 triệu đồng.

Điều kiện hỗ trợ: Có hồ sơ thiết kế và dự toán kinh phí được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Hồ sơ đề nghị hỗ trợ: Văn bản đề nghị của tổ chức, cá nhân; bản thuyết minh, bản vẽ thiết kế xây dựng, phương án tổ chức các hoạt động, dự toán kinh phí được cấp có thẩm quyền phê duyệt; biên bản nghiệm thu của cơ quan chuyên môn.

Trình tự thực hiện: Tổ chức, cá nhân nộ 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến UBND cấp xã nơi xây dựng địa điểm tổ chức các hoạt động trải nghiệm tìm hiểu văn hóa, thể thao đặc sắc dân tộc, trong thời hạn 05 ngày làm việc UBND cấp xã có trách nhiệm tổng hợp hồ sơ, trình UBND cấp huyện. Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, UBND cấp huyện xem xét, thẩm định và phê duyệt chính sách hỗ trợ theo quy định. Trong trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện các cơ quan, đơn vị giải quyết thủ tục hành chính phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

b) Hỗ trợ cải tạo, sửa chữa nhà ở theo kiến trúc nhà ở truyền thống

Mức hỗ trợ: Tối đa không quá 70% tổng dự toán kinh phí cải tạo, sửa chữa nhà ở truyền thống được cấp có thẩm quyền phê duyệt và không quá 160 triệu đồng/hộ, 10 hộ/điểm du lịch; tổng kinh phí hỗ trợ cả giai đoạn không quá 8.000 triệu đồng.

Điều kiện hỗ trợ: Là các hộ kinh doanh dịch vụ lưu trú nhà ở có phòng cho khách du lịch thuê (homestay); có hồ sơ thiết kế và dự toán kinh phí được cấp có thẩm quyền phê duyệt; có cam kết kinh doanh dịch vụ homestay tối thiểu 05 năm kể từ thời điểm được hỗ trợ.

Hồ sơ đề nghị hỗ trợ: Biên bản bình chọn của cộng đồng dân cư tại điểm du lịch; đơn đề nghị hỗ trợ của hộ gia đình kèm theo hồ sơ thiết kế nhà ở truyền thống, dự toán kinh phí thực hiện; bản cam kết thực hiện theo đúng thiết kế của cơ quan chuyên môn hướng dẫn; bản sao giấy công nhận hộ kinh doanh dịch vụ lưu trú nhà ở có phòng cho khách du lịch thuê (homestay) đủ điều kiện đón khách du lịch; biên bản nghiệm thu của cơ quan chuyên môn.

Trình tự thực hiện: Hộ gia đình nộp 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến UBND cấp xã nơi cư trú, trong thời hạn 05 ngày làm việc UBND cấp xã có trách nhiệm tổng hợp hồ sơ, trình UBND cấp huyện. Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, UBND cấp huyện xem xét, thẩm định và phê duyệt chính sách hỗ trợ theo quy định. Trong trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện các cơ quan, đơn vị giải quyết thủ tục hành chính phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

c) Xây dựng mới nhà vệ sinh cho hộ gia đình kinh doanh dịch vụ lưu trú nhà ở có phòng cho khách du lịch thuê (homestay).

Mức hỗ trợ: Tối đa không quá 70% tổng dự toán kinh phí xây dựng mới nhà vệ sinh và không quá 50 triệu đồng/hộ, 10 hộ/điểm du lịch; tổng kinh phí hỗ trợ cả giai đoạn không quá 2.500 triệu đồng.

Điều kiện hỗ trợ: Là các hộ kinh doanh dịch vụ lưu trú nhà ở có phòng cho khách du lịch thuê (homestay); được công nhận đủ điều kiện đón khách du lịch, có hồ sơ thiết kế và dự toán kinh phí được cấp có thẩm quyền phê duyệt; có cam kết kinh doanh dịch vụ homestay tối thiểu 05 năm kể từ thời điểm được hỗ trợ.

Hồ sơ đề nghị hỗ trợ: Biên bản bình chọn của cộng đồng dân cư tại điểm du lịch; đơn đề nghị hỗ trợ của hộ gia đình kèm theo hồ sơ thiết kế xây dựng nhà vệ sinh đáp ứng theo quy định về điều kiện hỗ trợ tại điểm này và dự toán kinh phí thực hiện; Bản sao giấy công nhận hộ kinh doanh dịch vụ lưu trú nhà ở có phòng cho khách du lịch thuê (homestay) đủ điều kiện đón khách du lịch; biên bản nghiệm thu của cơ quan chuyên môn.

Trình tự thực hiện: Hộ gia đình nộp 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến UBND cấp xã nơi cư trú, trong thời hạn 05 ngày làm việc UBND cấp xã có trách nhiệm tổng hợp hồ sơ, trình UBND cấp huyện. Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, UBND cấp huyện xem xét, thẩm định và phê duyệt chính sách hỗ trợ theo quy định. Trong trường hợp hồ sơ không

đủ điều kiện các cơ quan, đơn vị giải quyết thủ tục hành chính phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

d) Lập bản đồ quy hoạch tổng thể mặt bằng 04 điểm du lịch, tỷ lệ bản đồ 1/2.000 cho các điểm du lịch.

Mức hỗ trợ: Tối đa không quá 200 triệu đồng/điểm du lịch, tổng kinh phí hỗ trợ cho cả giai đoạn không quá 800 triệu đồng.

Điều kiện hỗ trợ: Có thuyết minh và bản đồ quy hoạch kèm theo được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

e) Xây dựng hệ thống điện chiếu sáng dọc đường nội bản, đường dạo tại điểm du lịch

Mức hỗ trợ: Tối đa không quá 70% tổng dự toán và không quá 500 triệu đồng/điểm du lịch; tổng kinh phí hỗ trợ cả giai đoạn không quá 2.500 triệu đồng.

Điều kiện hỗ trợ: Có hồ sơ thiết kế và dự toán kinh phí được cấp có thẩm quyền phê duyệt; có phương án quản lý, sử dụng sau đầu tư.

g) Xây dựng mới và cải tạo, sửa chữa, nâng cấp bãi đỗ xe

Mức hỗ trợ: Tối đa không quá 70% tổng dự toán, không quá 300 triệu đồng/bãi đỗ xe/điểm du lịch đối với xây dựng mới và không quá 150 triệu đồng đối với cải tạo, sửa chữa, nâng cấp/bãi đỗ xe/điểm du lịch; tổng kinh phí hỗ trợ cho cả giai đoạn không quá 1.050 triệu đồng.

Điều kiện hỗ trợ: Có hồ sơ thiết kế và dự toán kinh phí xây dựng mới hoặc cải tạo, sửa chữa, nâng cấp bãi đỗ xe được cấp có thẩm quyền phê duyệt; diện tích xây dựng mới tối thiểu từ 300m² trở lên và có phương án quản lý, sử dụng sau đầu tư.

h) Cải tạo, nâng cấp đường nội bản, đường dạo tại điểm du lịch

Mức hỗ trợ: Tối đa không quá 70% tổng dự toán kinh phí cải tạo, nâng cấp đường nội bản, đường dạo và tối đa không quá 500 triệu đồng/km, 2.500 triệu đồng/điểm du lịch; tổng kinh phí hỗ trợ cả giai đoạn không quá 12.500 triệu đồng.

Điều kiện hỗ trợ: Có hồ sơ thiết kế và dự toán kinh phí được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

i) Xây dựng mới nhà vệ sinh công cộng

Mức hỗ trợ: Tối đa không quá 70% tổng dự toán và không quá 300 triệu đồng/nhà vệ sinh/điểm du lịch; tổng kinh phí hỗ trợ cho cả giai đoạn không quá 1.500 triệu đồng.

Điều kiện hỗ trợ: Có hồ sơ thiết kế và dự toán kinh phí được cấp có thẩm quyền phê duyệt, đạt tiêu chuẩn nhà vệ sinh công cộng phục vụ khách du lịch theo

Quyết định số 225/QĐ-TCDL ngày 08/5/2012 của Tổng cục Du lịch quy định về tiêu chuẩn nhà vệ sinh công cộng phục vụ khách du lịch và có phương án quản lý, sử dụng sau đầu tư.

2. Hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng, phát triển nguồn nhân lực du lịch

a) Hỗ trợ tham gia các lớp tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ du lịch cộng đồng

Mức hỗ trợ: 200.000/người/ngày bao gồm chi phí ăn, ở, đi lại, tổng kinh phí hỗ trợ cả giai đoạn không quá 150 triệu đồng.

Điều kiện hỗ trợ: Là người dân tham gia hoạt động du lịch tại các điểm du lịch; có kế hoạch và dự toán kinh phí mở lớp được cấp có thẩm quyền phê duyệt; tối thiểu 30 người/lớp, thời gian tối đa 05 ngày/lớp.

b) Hỗ trợ học nghề du lịch

Mức hỗ trợ: 10 triệu đồng/người/khóa học, tổng kinh phí hỗ trợ cả giai đoạn không quá 1.000 triệu đồng.

Điều kiện hỗ trợ: Là người dân có hộ khẩu thường trú trên địa bàn tỉnh Lai Châu, có đăng ký theo nhu cầu đào tạo của các điểm du lịch và được UBND cấp huyện phê duyệt kế hoạch đào tạo.

Hồ sơ đề nghị hỗ trợ: Đơn đề nghị hỗ trợ của cá nhân; bản cam kết phục vụ hoạt động du lịch tại địa phương cử đi học; chứng chỉ nghề của cơ sở đào tạo cấp theo quy định.

Trình tự thực hiện: Cá nhân nộp 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến UBND cấp xã, trong thời hạn 05 ngày làm việc UBND cấp xã có trách nhiệm tổng hợp hồ sơ trình UBND cấp huyện. Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, UBND cấp huyện xem xét, thẩm định và phê duyệt chính sách hỗ trợ theo quy định. Trong trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện các cơ quan, đơn vị giải quyết thủ tục hành chính phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Điều 13. Đa dạng hóa sản phẩm du lịch và dịch vụ du lịch

1. Xây dựng 01 điểm ngắm cảnh ruộng bậc thang và nâng cấp đường vào ngắm cảnh ruộng bậc thang Tả Lèng

Mức hỗ trợ: Đối với điểm ngắm cảnh ruộng bậc thang tối đa không quá 70% tổng dự toán và không quá 900 triệu đồng/điểm; đối với nâng cấp đường vào ngắm cảnh ruộng bậc thang tối đa không quá 70% tổng dự toán và không quá 500 triệu đồng/km; tổng kinh phí hỗ trợ cả giai đoạn không quá 1.400 triệu đồng.

Điều kiện hỗ trợ: Là điểm phụ cận gắn với điểm du lịch có lợi thế tiêu biểu của tỉnh; có hồ sơ thiết kế và dự toán kinh phí được cấp có thẩm quyền phê duyệt và có phương án quản lý, sử dụng sau đầu tư.

2. Xây dựng 01 điểm bay dù lượn gắn với phát triển du lịch

a) Mức hỗ trợ: Tối đa không quá 70% tổng dự toán và không quá 2.000 triệu đồng/điểm bay.

b) Điều kiện hỗ trợ: Có hồ sơ thiết kế, dự toán kinh phí được cấp có thẩm quyền phê duyệt, có phương án quản lý, sử dụng sau đầu tư.

3. Hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã tổ chức khai thác tuyến vận tải hành khách xe buýt từ thành phố Lai Châu đi Thị xã Sa Pa và ngược lại.

a) Hình thức hỗ trợ: Theo chuyến.

b) Mức hỗ trợ: Không vượt quá đơn giá theo định mức kinh tế - kỹ thuật đối với xe buýt được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

c) Thời gian thực hiện: Không quá 03 năm

d) Điều kiện hỗ trợ: Là các doanh nghiệp vận tải được cơ quan có thẩm quyền công nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ xe Buýt và được cấp giấy phép theo quy định. Các ngày từ thứ Hai đến thứ Năm hàng tuần đảm bảo 02 chuyến/ngày, các ngày thứ Sáu, thứ Bảy và Chủ nhật hàng tuần đảm bảo 04 chuyến/ngày. Trong thời gian hỗ trợ doanh nghiệp vận tải không được thu vé của hành khách, trường hợp vi phạm thì dừng hỗ trợ và phải hoàn trả kinh phí đã nhận hỗ trợ. Kết thúc thời gian hỗ trợ doanh nghiệp vận tải cam kết tiếp tục thực hiện 02 năm tiếp theo kể từ năm kết thúc hỗ trợ và được thu cước theo các quy định hiện hành về giá cước vận tải.

Hồ sơ đề nghị hỗ trợ: Đơn đề nghị hỗ trợ của doanh nghiệp, hợp tác xã; giấy phép kinh doanh dịch vụ xe Buýt; cam kết tiếp tục thực hiện 02 năm tiếp theo kể từ năm kết thúc hỗ trợ của doanh nghiệp, hợp tác xã; phương án vận chuyển khách, báo cáo sản lượng hoàn thành, biên bản nghiệm thu sản lượng hoàn thành.

Trình tự thực hiện: Doanh nghiệp, hợp tác xã nộp 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, trong thời hạn 05 ngày làm việc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch có trách nhiệm tổng hợp, phối hợp với Sở Giao thông vận tải, Sở Tài chính thẩm định hồ sơ trình UBND cấp tỉnh. Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, UBND cấp tỉnh xem xét, thẩm định và phê duyệt chính sách hỗ trợ theo quy định. Trong trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện các cơ quan, đơn vị giải quyết thủ tục hành chính phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 14. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Chỉ đạo, hướng dẫn, tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết sau khi HĐND tỉnh ban hành, đảm bảo các chính sách thực thi đạt hiệu quả; theo dõi, tổ chức khảo sát, điều tra, đánh giá tác động của chính sách đối với sự phát triển du lịch và bảo tồn văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc trên địa bàn tỉnh để làm căn cứ đề xuất điều chỉnh chính sách cho phù hợp.

2. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc kịp thời báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh để xem xét, quyết định và báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp gần nhất./.